

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
QUẬN NINH KIỀU  
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

Bản án số: 40/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 02/7/2020

V/v “*Tranh chấp ly hôn*”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NINH KIỀU, THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phạm Thị Yên Nhi

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Phan Công Ny

2. Bà Bùi Mỹ Lan

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Phan Thị Ngọc Diệp - Thư ký Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

Trong ngày 02 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ xét xử công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số: 668/2019/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2019 về “*Tranh chấp ly hôn*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 204/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **TTTT** sinh năm 1994 (có mặt)

Địa chỉ: Số xxx, yyy, zzzz.

- *Bị đơn:* Ông **HHT** sinh năm 1987 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số xyz, xyz, xyz.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết, nguyên đơn bà TTTT trình bày:*

*Về quan hệ hôn nhân:* Bà và ông HHT tự nguyện tiến đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn. Đến ngày 05/9/2013 bà và ông T được Ủy ban nhân dân phường Cái Khế, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ cấp giấy chứng nhận kết hôn số 114/KH/2013, quyển số 02/2013. Bà và ông T sống hạnh phúc được 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bà và ông T bất đồng quan điểm, đời sống vợ chồng không còn hạnh phúc, ông T thường xuyên nhậu không quan tâm chăm sóc trong gia đình làm cho mâu thuẫn ngày càng nhiều, tình cảm không thể hàn gắn với nhau. Sau nhiều lần tìm biện pháp để hàn gắn tình cảm nhằm duy trì cuộc hôn nhân nhưng không đạt được kết quả như mong muốn. Bà và ông T đã ly thân hơn 01 năm. Hiện tại bà xác định bà không còn tình cảm với ông T nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông HHT.

- *Về con chung:* Trong thời gian chung sống bà và ông HHT có 01 con chung tên

HTN(nữ) sinh ngày 14/7/2017. Khi ly hôn bà yêu cầu nuôi con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Bà và ông T không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* ***Phía bị đơn ông HHT***: Tòa án đã tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, thông báo hợp lệ đối với ông T để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào các ngày 27/02/2020; ngày 17/3/2020 và ngày 21/5/2020 nhưng ông T đều vắng mặt không lý do nên vụ án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Do đó, Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

*Tại phiên tòa,*

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nên không có ý kiến.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

#### ***1) Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:***

Bà TTTT và ông HHT tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Cái Khế, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ nên xem là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ và điều chỉnh. Quá trình chung sống, bà T và ông T phát sinh mâu thuẫn và bà T có đơn khởi kiện nên xác định quan hệ pháp luật là “*Tranh chấp ly hôn*”, tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

#### ***2) Về thủ tục tố tụng:***

Bị đơn ông HHT đã được Tòa án triệu tập họp lệ tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và tham gia phiên tòa vào ngày 11/6/2020 và ngày 02/7/2020 nhưng ông T đều vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt ông T theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

#### ***3) Về nội dung:***

- *Xét về quan hệ hôn nhân*: Bà T và ông T chung sống với nhau có đăng ký kết hôn ngày 05/9/2013. Ông bà sống hạnh phúc một thời gian dài đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Theo bà T thì nguyên nhân mâu thuẫn là do ông bà bất đồng quan điểm nên thường xuyên cãi nhau, cuộc sống không hạnh phúc. Ông bà vẫn cố gắng sống

chung để mong tìm hiểu nguyên nhân bất đồng để cùng khắc phục nhằm xây dựng gia đình hạnh phúc nhưng vẫn không thể hàn gắn tình cảm được. Không chịu được cảnh sống như vậy nên bà và ông T đã sống ly thân. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông T.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện các trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật định nhằm tạo điều kiện để các đương sự hoá giải những mâu thuẫn, hòa giải đoàn tụ nhưng ông T đều vắng mặt không lý do. Điều này chứng tỏ ông T không thật sự tha thiết với cuộc sống hôn nhân này. Hơn nữa, trên thực tế ông bà đã sống ly thân, không quan T, chăm sóc lẫn nhau. Từ đó, cho thấy tình cảm vợ chồng giữa bà T và ông T đã thật sự rạn nứt, hôn nhân đã chấm dứt trên thực tế. Do đó, đời sống chung giữa ông bà không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nếu tiếp tục chung sống cũng không đem lại hạnh phúc cho bà T cũng như ông T. Vì vậy, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn bà TTTT.

- *Về con chung*: Trong thời gian chung sống bà và ông HHT có 01 con chung tên có 01 con chung tên HTN(nữ) sinh ngày 14/7/2017. Khi ly hôn bà yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung.

Hội đồng xét xử xét thấy: Hiện nay cháu HTN đang sống với bà T, điều kiện phát triển về tinh thần và sức khỏe của cháu vẫn phát triển tốt. Cháu vẫn đảm bảo các điều kiện sinh hoạt, học tập đầy đủ cũng như việc trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục vì lợi ích của cháu. Mặt khác, cháu là nữ, tính đến ngày xét xử sơ thẩm cháu HTN dưới 36 tháng tuổi nên ưu T giao cho mẹ nuôi dưỡng nên việc giao cháu HTN cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- *Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung*: Bà T cho rằng bà có đủ khả năng và điều kiện để chăm lo cuộc sống vật chất cho con. Do đó, bà không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Xét sự tự định đoạt của đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử ghi nhận và không đặt vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung ra xem xét, giải quyết.

Song, quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con cái là thiêng liêng nên người không trực tiếp nuôi con (ông T) có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở ông T thực hiện quyền này.

Tuy nhiên, khi người trực tiếp nuôi con không đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chung thì người không trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con theo quy định của pháp luật.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Bà T khai không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ án khác.

- *Về án phí hôn nhân sơ thẩm*: Nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.  
*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

*Căn cứ vào*: - Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Khoản 1 Điều 207, khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 51, Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2017/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Tuyên xử*: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà TTTT.

- *Về quan hệ hôn nhân*: Bà TTTT được ly hôn ông HHT.

- *Về con chung*: Giao con chung tên HTN(nữ) sinh ngày 14/7/2017 cho bà TTTT trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho ông HHT không ai được quyền cản trở ông T thực hiện quyền này.

- *Về cấp dưỡng nuôi con chung*: Không đặt ra xem xét giải quyết.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Ghi nhận ý kiến của đương sự về việc không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ án khác.

- *Về án phí hôn nhân sơ thẩm*: Nguyên đơn bà TTTT phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*), chuyển tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 001997 ngày 13/11/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ thành án phí. Bà T đã nộp xong án phí.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (*đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết*), để yêu cầu Tòa án nhân dân Thành phố Cần Thơ giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- Ủy ban nhân dân P. Cái Khế, quận Ninh Kiều;
- Viện kiểm sát nhân dân Q.Ninh Kiều;
- Chi cục Thi hành án dân sự Q.Ninh Kiều;
- Tòa án nhân dân TP.Cần Thơ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**Phạm Thị Yến Nhi**